

Bản án số: 08/2020/HS-ST  
Ngày 02-3-2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Âu;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hoàng Thị Tám.

2. Ông Điều Nhót.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Thúy Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Hanh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông mở phiên tòa xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 82/2020/TLST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2019; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2020/QĐST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song đối với các bị cáo:

**1/ Trần Thị H**, sinh năm 1971 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Khối 7, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đăk Nông; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình L và bà Phạm Thị C (đều đã chết); có chồng là Phan Văn T và 04 con (con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 2008); tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại - có mặt.

**2/ Phan Văn T**, sinh năm 1995 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Khối 7, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đăk Nông; trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn T và bà Trần Thị H (là bị cáo trong cùng vụ án); có vợ là Phạm Thị D và 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 12/7/2019 đến ngày 13/12/2019; Bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú- có mặt.

**3/ Vũ Văn T2**, sinh năm 1994 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Khối 11, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn C và bà Nguyễn Thị H; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2019 đến ngày 12/7/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại - có mặt.

*- Bị hại:*

Ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị T3 - đều có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

*Những người tham gia tố tụng khác:*

*Người làm chứng:*

1/ Ông Trần Văn H - vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 06, thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

2/ Ông Trương Văn K – có mặt.

3/ Ông Tô Quang H – có mặt.

4/ ông Phạm Văn T – có mặt.

5/ Ông Đinh Văn K – có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Sáng ngày 25/12/2018, trong khi đang đi làm rẫy cho gia đình Trần Thị H tại khu vực xã K, huyện M, tỉnh Đắk Nông thì Trần Thị H nói với Vũ Văn T2 (là bạn của Phan Văn T) việc vài hôm nữa T2 đi với Phan Văn T làm rẫy cho H tại Thôn N, xã H, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, thì T2 đồng ý. Do trước đó T2 được gia đình H thuê làm rẫy nhiều lần nên T2 biết được diện tích đất rẫy của H và chồng là ông Phan Văn T tại Thôn N, xã H, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đang tranh chấp với gia đình ông Phạm Văn C.

Khoảng 07 giờ 00' ngày 27/12/2018, Trần Thị H gọi điện thoại cho Phan Văn T nói T đi kiểm tra hiện trạng đất rẫy đang tranh chấp với gia đình ông Phạm Văn C, tại khoảnh 1A tiểu khu 1099 do Ban Quản lý rừng phòng hộ vành đai biên giới quản lý, thuộc Thôn N, xã H, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. T đồng ý rồi gọi điện thoại nói với Vũ Văn T2 cùng đi. T chạy xe mô tô lên trước, sau đó T2 đón xe buýt đến sau. Trên diện tích đất này, trước đó ông C đã trồng cà phê, hồ tiêu kèm theo cây bông gòn lên trên đó. Khi đến vị trí đất đang tranh chấp với ông C, T phát hiện trên diện tích đất này đã được ai đó trồng cây cà phê, hồ tiêu và cây bông gòn nên lấy điện thoại gọi báo cho mẹ mình là Trần Thị H biết. T gọi điện thì H cầm máy nghe, T nói “*Thấy có cây cà phê mới trồng đây rồi mẹ à!*”, H nói lại “*Vậy thì nhớ đi!*”, T trả lời “*Đạ!*” (bút lục số: 91-94; 95-96;118-119;340-343; 344-345; 346-347). Nghe điện thoại xong, T hiểu ý nên đã dùng tay nhỏ, bẻ ngang thân cây cà phê. T2 thấy T nhỏ và bẻ cà phê thì cũng vào thực hiện theo. Sau khi

bỏ một lúc, T lấy 01 con dao phất dài 115cm, lưỡi dao bằng kim loại, mũi dao bằng, cán bằng gỗ tròn gần đó đưa cho T2. T tiếp tục sử dụng 01 con dao ngắn hơn, dài khoảng 50cm, mũi dao bằng, cán và thân dao liền nhau bằng kim loại rồi cùng nhau chặt cây của ông C. Quá trình T và T2 hủy hoại cà phê, hồ tiêu và bông gòn thì có 01 người đàn ông đội mũ bảo hiểm màu trắng, mặc áo màu xanh nhạt cầm 01 cái cuốc đi vào rồi cùng T, T2 chặt cây của ông C. Tuy nhiên T khai, T không biết người đàn ông nói trên là ai.

Sau khi phát hiện sự việc, ông Phạm Văn C cùng vợ là bà Nguyễn Thị T3 chạy đến ngăn cản nhưng bị T và T2 xô đẩy. T và T2 tiếp tục thực hiện hành vi hủy hoại cà phê, hồ tiêu, bông gòn cho đến khi lực lượng Công an tới thì T và T2 mới dừng lại. Cả ba người trong đó có T và T2 hủy hoại cây trồng của gia đình ông C trong khoảng thời từ 09 giờ 00' đến khoảng 10 giờ 30 phút. Sau thời gian này, Trần Thị H từ huyện M chạy xe đến chứng kiến sự việc. Sau đó tất cả cùng đi về huyện M, khi về đến gần trường THPT Trần Hưng Đạo thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông, Vũ Văn T2 được Trần Thị H đưa cho 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) là tiền công thuê T2.

Vật chứng thu giữ tại hiện trường là con dao phất dài 115cm (cả cán và lưỡi), lưỡi dao bằng kim loại, mũi dao bằng, cán dao bằng tre, tròn.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: số cây cà phê bị hủy hoại (bị chặt, bỏ ngang gốc) là 188 cây, loại cà phê vối trồng năm 2018, dấu vết bị chặt đứt ngang thân cách mặt đất từ 10 đến 15cm, thiệt hại hoàn toàn; 82 bụi tiêu trồng năm 2017, tiêu loại C được bám vào các cây bông gòn, mỗi bụi tiêu bị chặt đứt từ 02 đến 03 dây, cách mặt đất từ 25 đến 30cm; 15 cây bông gòn trồng năm 2017, có đường kính 09cm, cao nhất 470cm, bị chặt đứt ngang thân thiệt hại hoàn toàn.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 09/HĐ-ĐG ngày 01/03/2019, và văn bản đính chính các nội dung định giá tài sản số: 271/HĐĐG-TH ngày 27/06/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đắk Song kết luận: Thiệt hại của 188 cây cà phê trồng năm 2018 (loại cà phê trồng bằng giống cà phê trồng 02 năm) có giá tại thời điểm ngày 27/12/2018 là 30.000 đồng/01 cây, tính thành tiền là:  $188 \times 30.000 \text{ đồng/01 cây} = 5.640.000 \text{ đồng}$ ; thiệt hại của 82 bụi tiêu trồng năm 2017 (loại C) có giá tại thời điểm 27/12/2018 là 113.000 đồng/01 bụi, tính thành tiền là:  $82 \times 113.000 \text{ đồng/01 bụi} = 9.266.000 \text{ đồng}$ ; thiệt hại của 15 cây bông gòn trồng năm 2017 có giá tại thời điểm 27/12/2018 là 25.000 đồng/01 cây, tính thành tiền là  $15 \times 25.000 \text{ đồng/01 cây} = 375.000 \text{ đồng}$ . Tổng thiệt hại tính thành tiền của các tài sản nói trên là 15.281.000đ (Mười lăm triệu hai trăm tám mươi một nghìn đồng).

Quá trình điều tra xác định: Giữa gia đình ông Phạm Văn C và gia đình bị can Trần Thị H tranh chấp diện tích đất 8.839m<sup>2</sup> tại khoảnh 1A, tiểu khu 1099 do Ban Quản lý Bảo vệ rừng vành đai biên giới quản lý, thuộc Thôn N, xã H, huyện S, tỉnh Đắk Nông. Diện tích đất này đã được UBND tỉnh Đắk Nông cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AM 880981 ngày 11/06/2008, sau đó bị ông C và bị cáo H lấn chiếm, trồng tía trên đất rồi tranh chấp với nhau. Sự việc sau đó Ban Quản lý rừng phòng hộ vành đai biên giới và UBND xã H nhiều lần lập biên bản yêu cầu các bên không được canh tác, trả lại diện tích đất nói trên. Tuy nhiên giữa

ông C với gia đình Trần Thị H không đồng ý mà tiếp tục canh tác, tranh chấp với nhau dẫn đến hủy hoại tài sản của một trong hai bên.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKS-ĐS ngày 27/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đã truy tố các bị cáo Trần Thị H, Phan Văn T, Vũ Văn T2 về tội “Hủy hoại tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (gọi tắt là BLHS).

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện VKSND huyện S giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Trần Thị H, Phan Văn T, Vũ Văn T2 về tội “Hủy hoại tài sản” theo khoản 1 Điều 178 BLHS. Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện VKSND huyện S đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS; khoản 1, khoản 2 Điều 65 BLHS; Xử phạt bị cáo Trần Thị H từ 07 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 20 tháng;

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo Phan Văn T từ 07 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 20 tháng;

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo Vũ Văn T2 từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

#### ***Về trách nhiệm dân sự:***

Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật cho các bị hại.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy con dao là vật chứng của vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Trần Thị H, Phan Văn T, Vũ Văn T2 không bào chữa gì về hành vi của mình, mà chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị hại đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Vũ Văn T2 và xét xử các bị cáo Trần Thị H, Phan Văn T theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự: Quá trình truy tố, bị cáo Phan Văn T khiếu nại về hành vi của kiểm sát viên, tuy nhiên, ngày 13/2/2020 bị cáo đã có đơn rút khiếu nại. Tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Phan Văn T, Vũ Văn T2 tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Giữa gia đình bị cáo Trần Thị H, Phan Văn T và gia đình ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị T3 có tranh chấp đất đai với nhau. Thửa đất tranh chấp được xác định thuộc khoảnh 1A, tiểu khu 1099 do Ban Quản lý rừng phòng hộ vành đai biên giới quản lý, thuộc Thôn N, xã H, huyện S, tỉnh Đắk Nông nhưng ông C, bà T3 vẫn tiến hành trồng cây trên đất. Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 27/12/2018, Phan Văn T (con trai H) cùng với Vũ Văn T2 lên diện tích đất tranh chấp thì phát hiện đất đã được trồng cà phê nên gọi điện thoại báo cho Trần Thị H biết. Biết sự việc, Trần Thị H nói T nhổ hết số cây cà phê nói trên nên Phan Văn T cùng với Vũ Văn T2 đã dùng dao phát hủy hoại 188 cây cà phê, 82 trụ tiêu, 15 cây bông gòn. Tổng thiệt hại tính thành tiền của các tài sản này là 15.281.000 đồng (*Mười lăm triệu hai trăm tám mươi mốt nghìn đồng*). Do đó, hành vi của các bị cáo Phan Văn T, Vũ Văn T2 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Hủy hoại tài sản” theo khoản 1 Điều 178 BLHS.

Đối với Trần Thị H, trước khi khởi tố vụ án bị cáo H thừa nhận việc đã nói Phan Văn T nhổ hết cây cà phê nhưng sau khi bị khởi tố bị cáo H không thành khẩn khai báo, thay đổi lời khai, không thừa nhận việc có chỉ đạo bị cáo T nhổ cà phê. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo H đã nhận thức được hành vi của mình và đã thành khẩn khai báo, đã thừa nhận có sự việc bị cáo T gọi điện báo cho bị cáo về việc có cây trồng trên đất tranh chấp. Sau khi nghe T nói vậy thì bị cáo H chỉ đạo T nhổ hết cây đi. Lời khai của bị cáo H tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai ban đầu của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị cáo T, T2 và phù hợp với các chứng cứ thu thập được có lưu trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận Trần Thị H đã chỉ đạo Phan Văn T nhổ cà phê. Hành vi của bị cáo H đủ yếu tố cấu thành tội “Hủy hoại tài sản” theo khoản 1 Điều 178 BLHS với vai trò đồng phạm.

VKSND huyện S truy tố các bị cáo Trần Thị H, Phan Văn T, Vũ Văn T2 về tội “Hủy hoại tài sản” theo khoản 1 Điều 178 BLHS là có căn cứ pháp lý, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

***Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:***

*1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

[3] Xét thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, chính trị tại địa phương. Mặc dù đang tranh chấp, bản thân các bị cáo nhận thức được cây trồng trên đất của ông C, bà T3 và các bị cáo không có thẩm quyền giải quyết việc tranh chấp đất và cây trồng trên đất. Tuy nhiên, do ý thức coi thường pháp luật, dưới sự chỉ đạo của bị cáo Trần

Thị H, Phan Văn T và Vũ Văn T2 đã cố ý thực hiện hành vi dùng dao hủy hoại toàn bộ cây trồng trên đất. Do vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình gây ra. Cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ vi phạm của từng bị cáo nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Trong vụ án này, có nhiều bị cáo tham gia, giữa các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn nhưng HĐXX xét thấy cần phân hóa hình phạt của từng bị cáo để đảm bảo tính công bằng và nghiêm minh của pháp luật.

Bị cáo Trần Thị H có vai trò chính, sau khi nghe thông tin bị cáo T báo về việc có người trồng cây trên đất bị cáo đã nói bị cáo T nhổ hết cây đi. Tuy nhiên, bị cáo không tham gia nhổ cây trên đất. Do đó, cần xử phạt bị cáo H mức hình phạt cao nhất so với mức hình phạt của các bị cáo khác.

Bị cáo Phan Văn T là người thực hành vi tích cực. Sau khi nghe bị cáo H nói nhổ cây trên đất tranh chấp, bị cáo cùng với bị cáo Vũ Văn T2 nhổ cây. Bị cáo T cũng là người chuẩn bị dao phát đưa cho bị cáo T2 giúp mình hủy hoại cây. Do đó, cần xử phạt bị cáo Phan Văn T mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt của bị cáo H và cao hơn mức hình phạt của bị cáo T2.

Trong vụ án này, bị cáo Vũ Văn T2 là người có vai trò hạn chế nhất. Bị cáo chỉ là người làm thuê và chỉ làm theo sự chỉ đạo của T và H. Nên cần xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần Thị H, Phan Văn T, Vũ Văn T2 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo Trần Thị H đã tự nguyện bồi thường (nộp tại Chi cục Thi hành án huyện Đắk Song) số tiền 2.000.000đ, bị cáo Phan Văn T tự nguyện bồi thường (nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song) số tiền 1.000.000đ và Vũ Văn T2 đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000đ, do đó được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Vũ Văn T2 được gia đình bị hại bãi nại; bố ruột của bị cáo Trần Thị H và ông nội của bị cáo Phan Văn T là người có công với cách mạng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX xét thấy, các bị cáo Trần Thị H, Phan Văn T, Vũ Văn T2 có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định; có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng. Vì vậy, HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được tự học tập, cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[5] Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa, ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị T3 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại số tiền 15.281.000đ. Do đó, cần buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho các bị hại số tiền trên theo phần, mỗi bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 5.094.000đ (làm tròn số). Bị cáo Phan

Văn T đã bồi thường 1.000.000đ nên bị cáo T còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 4.094.000đ; Bị cáo Trần Thị H tự nguyện bồi thường cho bị hại (nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song) số tiền 2.000.000đ, bị cáo H còn phải tiếp tục bồi thường 3.094.000đ; Bị cáo Vũ Văn T2 đã bồi thường 5.000.000đ, bị cáo T2 còn phải tiếp tục bồi thường 94.000đ.

[7] Về vật chứng: Đối với con dao phát có đặc điểm dài 115cm (cả cán và lưỡi), lưỡi dao bằng kim loại, mũi dao bằng, cán dao bằng tre, tròn là vật chứng mà Vũ Văn T2 sử dụng cùng Phan Văn T hủy hoại tài sản nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 con dao dài khoảng 50cm mà Phan Văn T sử dụng để hủy hoại tài sản sau đó đã làm thất lạc, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Song đã tiến hành truy tìm nhưng không có kết quả nên không đặt ra vấn đề xử lý là phù hợp.

[8] Đối với người đàn ông đội mũ bảo hiểm màu trắng, cầm cuốc tham gia cùng Phan Văn T, Vũ Văn T2 để hủy hoại cây trồng của ông Phạm Văn C. Bị cáo Phan Văn T khai không thuê mướn người này và cũng không biết người đàn ông nói trên là ai. Hiện chưa làm rõ được nhân thân của người đàn ông nói trên nên cơ quan CSĐT công an huyện Đắk Song tách ra tiếp tục xác minh, làm rõ khi nào có kết quả sẽ xử lý theo quy định.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) và án phí hình sự sơ thẩm (HSST) theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Thị H, Phan Văn T, Vũ Văn T2 phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 178 BLHS; điểm b,i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị H 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 02/3/2020.

Xử phạt: Bị cáo Phan Văn T 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 02/3/2020.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn T2 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 02/3/2020.

Giao các bị cáo Trần Thị H, Phan Văn T, Vũ Văn T2 cho Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo Trần Thị H, Phan Văn T, Vũ Văn T2 cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 587, 589 BLDS.

Buộc các bị cáo Trần Thị H, Phan Văn T, Vũ Văn T2 liên đới bồi thường cho các bị hại số tiền 15.281.000đ (*Mười lăm triệu hai trăm tám mươi mốt nghìn đồng*) theo phần, mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông C, bà T3 số tiền 5.094.000đ (*Năm triệu không trăm chín mươi bốn nghìn đồng*) (làm tròn số). Bị cáo Phan Văn T đã bồi thường 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) theo biên lai số 002942 ngày 12/7/2019 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, bị cáo T còn phải bồi thường 4.094.000đ (*Bốn triệu không trăm chín mươi bốn nghìn đồng*); Bị cáo Trần Thị H tự nguyện bồi thường 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) theo biên lai số 005009 ngày 27/02/2020 nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, bị cáo H còn phải bồi thường 3.094.000đ (*Ba triệu không trăm chín mươi bốn nghìn đồng*); Bị cáo Vũ Văn T2 đã tự nguyện bồi thường 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*), bị cáo T2 còn phải bồi thường 94.000đ (*Chín mươi bốn nghìn đồng*).

*Áp dụng khoản 1 Điều 357 BLDS để tính lãi suất chậm trả đối với khoản tiền chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.*

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a, c khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 của nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc các bị cáo Trần Thị H, Phan Văn T, Vũ Văn T2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST và 300.000đ án phí DSST.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**\*/Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PV27 CA. tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Công an huyện Đắk Song;
- Chi cục THA.DS huyện Đắk Song;
- Các bị cáo;
- Các bị hại;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- Lưu hồ sơ.

**(Đã ký và đóng dấu)**  
**Nguyễn Thị Hải Âu**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC THÀNH VIÊN HĐXX THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PV27 CA. tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện S;
- Công an huyện S;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Thị Hải Âu**